

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng;

Ông Phạm Văn Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 16-11-2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-02-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 19xx; nơi ĐKKHKT: Thôn 13 C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Ng, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn 13 C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn Ng kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 02-4-2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ng hay uống rượu, không chí thú làm ăn và hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa. Từ đầu năm 2021 đến nay, chị và anh Ng sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ng. Chị và anh Ng có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 05-4-2009 và Phạm Thị H H, sinh ngày 30-5-2012; chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung, trường hợp chỉ được nuôi một con thì chị nhận nuôi con H và đồng ý để anh Ng nuôi con H. Hiện nay chị đang làm công nhân với thu nhập trung bình khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn Ng trình bày: Anh đồng ý với chị N về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì chị N nói với anh là đưa hai con ra trông nH cho ông bà ngoại nhưng khi ông bà về thì chị N và hai con cũng không về chung sống cùng anh. Anh thừa nhận, vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp chị N kiên quyết ly hôn, anh tôn trọng vì đó là quyền của chị. Anh chỉ có 02 con chung như chị N trình bày, trong trường hợp anh chị phải ly hôn thì anh mong muốn được trực tiếp nuôi cả hai con chung, nếu chỉ được nuôi một con thì anh nhận nuôi con Phạm Thị H H và đồng ý để chị N nuôi con Phạm Thu H. Hiện nay anh đang làm công nhân với thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Ng, thể hiện: Do anh chị mâu thuẫn nên từ năm 2017, chị N đã có ý định ly hôn anh Ng nhưng được gia đình khuyên giải nên anh chị tiếp tục chung sống với nhau đến đầu năm 2021 thì chị N mang hai con về bên ngoại sinh sống, từ đó anh chị sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ng sức khỏe yếu, không chịu làm ăn và thường xuyên uống rượu. Anh chị có 02 con chung là Phạm Thu H và Phạm Thị H H. Nay chị N xin ly hôn anh Ng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, tHnh phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn anh Ng. Giao con Phạm Thu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Thị H H cho anh Ng

trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị N, anh Ng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Văn Ng tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là anh Ng cư trú tại xã H, huyện Tiên Lãng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, tHnh phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Ng vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt anh Ng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị N và anh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tiên Lãng, tHnh phố Hải Phòng ngày 02 tháng 4 năm 2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Lời khai của chị N tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại thôn 13 C, xã H, huyện Tiên Lãng. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ đầu năm 2021 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ng thường xuyên uống rượu, không tin tưởng chị về tình cảm và không chí thú làm ăn. Chị N thừa nhận quan hệ hôn nhân trên thực tế giữa chị và anh Ng đã không còn tồn tại, tình cảm chị dành cho anh đã hết nên vẫn kiên quyết ly hôn; anh Ng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung; trường hợp chị N kiên quyết ly hôn thì anh tôn trọng quyết định của chị và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, xét thấy: Chị N và anh Ng đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần

căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh Ng.

[6] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 05-4-2009 và Phạm Thị H H, sinh ngày 30-5-2012. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau; căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị N, anh Ng là như nhau và từ khi anh chị sống ly thân hai con chung vẫn thường xuyên chung sống với cả anh Ng và chị N; để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nguyện vọng về việc nuôi con khi ly hôn giữa anh chị nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Phạm Thu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phạm Thị H H cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con kể từ ngày 17-3-2022 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị N và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Ng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Phạm Văn Ng.
2. Về con chung: Chị N trực tiếp nuôi con Phạm Thu H, sinh ngày 05-4-2009; anh Ng trực tiếp nuôi con Phạm Thị H H, sinh ngày 30-5-2012. Việc cấp dưỡng cho con chị N và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét

xử không xem xét. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 17-3-2022 đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006108 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tiên Lãng, tHnh phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi Hành án dân sự, thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã H, huyện Tiên Lãng;
- (Đăng ký kết hôn năm 2004);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

